

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 7 - 2024

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN – TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ma Thanh Trọng

Bà Hoàng Thị Mơ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Mai Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Kỳ Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1965.

- Bị đơn: Ông **Mai Văn B**, sinh năm 1958.

Cùng nơi ĐKKHKT: **Số B, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.**

Cùng địa chỉ: **Số A, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.**

Các đương sự đều vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2024, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn bà **Trần Thị C** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị C** và ông **Mai Văn B** chung sống với nhau từ năm 1988, có tình cảm yêu thương nhau, gia đình hai bên có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán vào tháng 11/1988, tuy nhiên ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do thời điểm đó bận làm ăn, sau đó ông bà có đến Ủy ban nhân dân xã V nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành

phố L hai lần nhưng không thấy mở cửa nên đã đi về, do không hiểu biết pháp luật nên sau đó ông bà cũng không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn, sau khi cưới bà Trần Thị C về chung sống tại nhà chồng sơ tán tại ga Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn được khoảng 01 tháng thì hai vợ chồng lên thành phố L sinh sống, quá trình chung sống hai vợ yêu thương nhau, cùng nhau làm ăn kinh tế, cuộc sống gia đình vui vẻ, hòa thuận. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Mai Văn B thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con, không hỗ trợ trong việc nuôi dạy các con, không giúp làm ăn kinh tế, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông Mai Văn B không thay đổi, vợ chồng tình cảm ngày càng lạnh nhạt, không có tiếng nói chung, tuy sống trong một mái nhà nhưng đã ly thân 10 năm nay, mỗi người khác ngủ riêng một phòng, thời gian khoảng 01 năm gần đây ông Mai Văn B thường xuyên đi ăn với bạn bè không ăn cùng gia đình. Mặc dù bà và các con đã khuyên can rất nhiều nhưng ông Mai Văn B không quan tâm, không thay đổi. Hiện nay, bà Trần Thị C và ông B đã sống riêng mỗi người một nhà, không còn quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Nay bà Trần Thị C xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án không công nhận bà Trần Thị C và ông Mai Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Bà Trần Thị C và ông Mai Văn B có 02 con chung là Mai Hồng H, sinh năm 1990 và Mai Như Q, sinh năm 1995. Hiện nay, các con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 24/6/2024 và biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2024, bị đơn ông Mai Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu, yêu thương và chung sống đúng như bà Trần Thị C đã trình bày. Ông Mai Văn B và bà Trần Thị C, chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, tuy nhiên 10 năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống không hợp, ông Mai Văn B thừa nhận có đi uống rượu và tụ tập bạn bè do cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, ông và bà Trần Thị C đã tách ra ngủ riêng 10 năm nay và hiện nay ông và bà Trần Thị C đã bàn bạc thống nhất trong gia đình là mỗi người sống riêng 01 nhà. Nay ông Mai Văn B xác định không tình cảm nên đề nghị Tòa án không công nhận ông Mai Văn B và bà Trần Thị C là vợ chồng.

Về con chung: Ông Mai Văn B và bà Trần Thị C có 02 con chung là Mai Hồng H, sinh năm 1990 và Mai Như Q, sinh năm 1995. Hiện nay, các con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải.

Về nợ chung: Không có.

Tại Công văn số 280/UBND ngày 10/7/2024 của UBND phường T và văn bản xác minh ngày 15/7/2024 tại UBND phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đều xác nhận về việc không có thông tin đăng ký kết hôn cũng như việc giới thiệu đi nơi khác đăng ký kết hôn đối với bà Trần Thị C và ông Mai Văn B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận bà Trần Thị C và ông Mai Văn B là vợ chồng; về các con chung của ông bà đã trưởng thành, không xem xét giải quyết; về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có; về án phí nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 10/5/2024, bà Trần Thị C gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn yêu cầu giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa bà và ông Mai Văn B. Bị đơn ông Mai Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn bà Trần Thị C và bị đơn ông Mai Văn B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Trần Thị C và ông Mai Văn B đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị C và ông Mai Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị C** và ông **Mai Văn B** chung sống với nhau như vợ chồng từ 1988, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng đến nay vẫn không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân 10 năm nay. Bà **Trần Thị C** có đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông **Mai Văn B** và ông **Mai Văn B** cũng đồng ý. Do ông bà không đăng ký kết hôn từ sau ngày 01/01/2003 theo Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội nên không công nhận bà **Trần Thị C** và ông **Mai Văn B** là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà **Trần Thị C** và ông **Mai Văn B** có 02 con chung tên là **Mai Hồng H**, sinh năm 1990 và **Mai Như Q**, sinh năm 1995. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà **Trần Thị C** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật sung Ngân sách Nhà nước, xác nhận bà **Trần Thị C** đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000249 ngày 20/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Trần Thị C** và ông **Mai Văn B**.

2. Về con chung: Bà **Trần Thị C** và ông **Mai Văn B** có 02 con chung tên là **Mai Hồng H**, sinh năm 1990 và **Mai Như Q**, sinh năm 1995. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và lập gia đình riêng nên Tòa án không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà **Trần Thị C** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà **Trần Thị C** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000249 ngày 20/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà **Trần Thị C**, bị đơn ông **Mai Văn B** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- NĐ, BĐ;
- UBND phường Tam Thanh, TP Lạng Sơn;
- UBND phường Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Huyền